

**SỞ LAO ĐỘNG TB&XH TỈNH HÀ NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ HÀ NAM**

GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: KINH TẾ QUỐC TẾ

NGÀNH/NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 285/QĐ-CDN ngày 21 tháng 7 năm 2017 của
Hiệu trưởng trường Cao đẳng Nghề Hà Nam*

Hà Nam, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên nghề Kế toán doanh nghiệp trường Cao đẳng nghề Hà Nam. Chúng tôi đã thực hiện biên soạn cuốn giáo trình ***Kinh tế quốc tế***.

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh tế quốc tế là môn khoa học nghiên cứu tính quy luật của sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia, nghiên cứu sự trao đổi hàng hóa, dịch vụ, sự vận động của các yếu tố sản xuất, sự chuyển đổi tiền tệ và cán cân thanh toán giữa các quốc gia, nghiên cứu các chính sách điều chỉnh quá trình vận động và trao đổi.

Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ, mỗi quốc gia cần phải tích cực và chủ động tham gia để đạt tới vị trí thuận lợi trong nền kinh tế thế giới. Điều đó có nghĩa là mỗi quốc gia cần phát triển mạnh mẽ lĩnh vực kinh tế đối ngoại, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và di chuyển quốc tế về lao động, hợp tác kinh tế về khoa học – công nghệ, các dịch vụ ngoại tệ....Trên ý nghĩa đó việc nghiên cứu môn học kinh tế quốc tế là rất cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và phương pháp luận, tạo điều kiện cho việc tổ chức và quản lý lĩnh vực kinh tế đối ngoại của mỗi quốc gia đạt hiệu quả cao.

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập theo chương trình khung của tổng cục dạy nghề ban hành Trường Cao đẳng Nghề Hà Nam đã tổ chức biên soạn giáo trình **Kinh tế quốc tế**, là tài liệu chính thức sử dụng giảng dạy và học tập cho sinh viên, đồng thời là tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm đến lĩnh vực này.

Nội dung của giáo trình gồm 5 chương

Chương 1: **Những vấn đề chung về kinh tế quốc tế**

Chương 2: **Thương mại quốc tế và chính sách thương mại quốc tế**

Chương 3: **Đầu tư quốc tế**

Chương 4: **Cán cân thị trường và thị trường tiền tệ quốc tế**

Chương 5: **Liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế**

Do thời gian và trình độ có hạn nên giáo trình khó có thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để giáo trình hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nam, ngày tháng năm 2017.

Người biên soạn

ĐÌNH AN LINH

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	Trang
Chương 1: Những vấn đề chung về kinh tế quốc tế	
1. Giới thiệu khái quát về môn học kinh tế quốc tế	8
1.1. Khái niệm và vị trí môn học	8
1.2. Đối tượng, nhiệm vụ môn học	8
1.3. Nội dung, phương pháp nghiên cứu môn học	8
1.4. Mối quan hệ của môn học với các môn học khác	9
2. Những đặc điểm của nền kinh tế thế giới	9
2.1. Khái niệm về kinh tế thế giới	9
2.2. Xu thế quốc tế hoá nền kinh tế thế giới	10
2.3. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới có xu hướng tăng chậm và không đồng đều giữa các nước và các khu vực	11
2.4. Kinh tế khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nổi lên đang làm cho trung tâm của nền kinh tế thế giới chuyển dần về khu vực này	11
2.5. Một số vấn đề kinh tế toàn cầu ngày càng trở nên gay gắt	11
3. Những cơ sở của việc hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế	11
3.1. Khái niệm, nội dung của các quan hệ kinh tế quốc tế	12
3.2. Cơ sở của sự hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế	14
3.3. Tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế	14
4. Những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại	15
4.1. Phát triển kinh tế đối ngoại là một tất yếu khách quan	16
4.2. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế với chính trị:	16
4.3. Xây dựng hệ thống kinh tế mở, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế:	17
4.4. Phát huy ý chí tự lực, tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại	17
4.5. Đa phương hóa các hoạt động kinh tế đối ngoại phù hợp với cơ chế thị trường, trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi.	17
4.6. Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế đối ngoại phù hợp với điều kiện của nền kinh tế và quốc tế	17
4.7. Nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại	18
4.8. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại	18
5. Khả năng và điều kiện cần thiết để phát triển lĩnh vực kinh tế đối ngoại	18
5.1. Vị trí của nền kinh tế Việt Nam trong nền kinh tế thế giới	18
5.2. Những khả năng để phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam	20
Chương 2: Thương mại quốc tế và chính sách thương mại quốc tế	
1. Khái niệm, nội dung và chức năng của thương mại quốc tế	22
1.1. Khái niệm	22
1.2. Nội dung	22
1.3. Chức năng của thương mại quốc tế	23
1.4. Đặc điểm của thương mại quốc tế	23
2. Một số lý thuyết về thương mại quốc tế	23
2.1. Quan điểm của phái trọng thương về mậu dịch quốc tế	23

2.2. Những nội dung cơ bản của các quan điểm	24
2.3. Lợi thế so sánh của David Ricardo	25
2.4. Lý thuyết của Heckscher – Ohlin về lợi thế tương đối	27
2.5. Một số lý thuyết hiện đại	30
3. Chính sách thương mại quốc tế	30
3.1. Khái niệm và nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế	30
3.2. Vai trò của chính sách thương mại quốc tế	30
4. Các công cụ và biện pháp chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế	31
4.1. Thuế quan	31
4.2. Hạn ngạch nhập khẩu	33
4.3. Hạn chế xuất khẩu tự nguyện	33
4.4. Những quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật	34
4.5. Trợ cấp xuất khẩu	34
5. Thuế quan nhập khẩu và những tác động của nó	34
5.1. Phân tích cân bằng cục bộ của thuế quan	35
5.2. Mối tương quan giữa thuế quan danh nghĩa và mức độ bảo hộ thực tế.	36
5.3. Phân tích cân bằng tổng quát về thuế quan đối với nước nhỏ.	36
5.4. Một số phân tích khác về thuế quan.	36
6. Xu hướng tự do hoá thương mại và xu hướng bảo hộ mậu dịch trong chính sách thương mại quốc tế	36
6.1. Xu hướng tự do hoá thương mại	36
6.2. Xu hướng bảo hộ mậu dịch	37
6.3. Những nguyên tắc cơ bản điều chỉnh quan hệ thương mại quốc tế	38
7. Đánh giá khái quát ngoại thương Việt Nam trong những năm đổi mới	38
7.1. Ưu điểm	38
7.2. Nhược điểm	39
Chương 3: Đầu tư quốc tế	
1. Khái niệm và tác động của đầu tư quốc tế	40
1.1. Khái niệm và nguyên nhân của đầu tư quốc tế	40
1.2. Tác động của đầu tư quốc tế	40
1.3. Một số lý thuyết về đầu tư quốc tế	40
2. Đầu tư gián tiếp nước ngoài	42
2.1. Khái niệm và đặc điểm đầu tư gián tiếp nước ngoài	42
2.2. Các hình thức đầu tư gián tiếp nước ngoài	42
3. Đầu tư trực tiếp nước ngoài	44
3.1. Khái niệm và đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài	44
3.2. Các hình thức của đầu tư trực tiếp nước ngoài	44
3.3. Khu chế xuất và khu công nghiệp tập trung	45
3.4. Lợi thế và bất lợi của đầu tư trực tiếp nước ngoài	46
4. Một số vấn đề đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	47
4.1. Những vấn đề chung về Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	47
4.2. Đánh giá tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam	48
4.3. Đánh giá tình hình thu hút, quản lý và sử dụng ODA tại Việt Nam	49
5. Những định hướng và biện pháp để thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam	49
5.1. Định hướng	49
5.2. Biện pháp	50

Chương 4: Cán cân thị trường và thị trường tiền tệ quốc tế	
1. Cán cân thanh toán quốc tế	52
1.1. Khái niệm và nguyên tắc hình thành	52
1.2. Các bộ phận cấu thành	52
1.3. Mối quan hệ giữa cán cân thương xuyên và thu nhập quốc dân	53
2. Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái	55
2.1. Thị trường ngoại hối	55
2.2. Tỷ giá hối đoái	56
3. Hệ thống tiền tệ quốc tế	60
3.1. Những vấn đề chung về hệ thống tiền tệ quốc tế	60
3.2. Các hệ thống tiền tệ quốc tế	61
Chương 5: Liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế	
1. Những vấn đề chung về liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế	65
1.1. Khái niệm và đặc trưng của liên kết kinh tế quốc tế	65
1.2. Bản chất và tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế	66
1.3. Các tác động của liên kết	67
1.4. Các hình thức liên kết, hội nhập kinh tế quốc tế	68
1.5. Các tác động kinh tế của đồng minh thuế quan	69
2. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)	70
2.1. Hiệp hội các nước Đông Nam Á	70
2.2. Khu vực mậu dịch tự do ASEAN	72
3. Liên minh Châu Âu (EU)	74
3.1. Quá trình hình thành và phát triển	74
3.2. Liên minh tiền tệ Châu Âu	75
4. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC)	75
4.1. Hoàn cảnh ra đời	75
4.2. Mục tiêu của APEC	76
4.3. Các nguyên tắc của APEC	76
4.4. Cơ cấu tổ chức của APEC	78
5. Các tổ chức kinh tế - tài chính quốc tế WTO, IMF và ADB	78
5.1. Tổ chức thương mại thế giới (WTO)	78
5.2. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)	80
5.3. Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB)	81
TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kinh tế quốc tế

Mã môn học: MH 35

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Kinh tế quốc tế là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở của nghề kế toán doanh nghiệp, được bố trí học vào học kỳ 1 của năm học thứ 2
- Tính chất: Kinh tế quốc tế là một môn khoa học nghiên cứu những vấn đề về phân phối và sử dụng các nguồn lực giữa các quốc gia thông qua trao đổi quốc tế nhằm đạt được sự cân đối cung - cầu về hàng hóa, dịch vụ, vốn... trong nền kinh tế thế giới.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được những lý luận chung nhất của kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế, liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các hình thức kinh tế quốc tế, nguyên nhân và xu hướng phát triển của kinh tế quốc tế.

+ Giải thích được các hiện tượng kinh tế quốc tế trong thực tế đời sống kinh tế hiện đại ngày nay.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Tuân thủ các thông lệ quốc tế.

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

+ Đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

III. Nội dung môn học:

Chương 1:
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KINH TẾ QUỐC TẾ
Mã chương: 3501

Mục tiêu:

- Trình bày được những vấn đề khái quát về kinh tế quốc tế;
- Nêu lên được đặc điểm của nền kinh tế thế giới;
- Trình bày được cơ sở hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế;
- Phân tích được các quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta đối với lĩnh vực kinh tế đối ngoại;
- Trình bày được các điều kiện cần thiết để phát triển kinh tế đối ngoại ở Việt Nam.
- Nghiêm túc trung nghiên cứu.

Nội dung:

1. Giới thiệu khái quát về môn học kinh tế quốc tế

1.1. Khái niệm và vị trí môn học

Kinh tế quốc tế hay còn gọi là kinh tế học quốc tế nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa nền kinh tế của các nước và các khu vực trên thế giới.

Kinh tế quốc tế là một bộ phận của kinh tế học, nó ra đời do sự phát triển của đời sống xã hội và trở thành một môn khoa học độc lập.

Kinh tế quốc tế nghiên cứu những vấn đề về phân phối và sử dụng các nguồn lực, tài nguyên giữa nền kinh tế của các nước, các khu vực thông qua con đường mậu dịch hợp tác với nhau nhằm đạt được hiệu quả cao về sự cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ tiền tệ trong mỗi nước và trên phạm vi thế giới.

Kinh tế quốc tế là môn khoa học cần thiết đối với tất cả những ai nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế nói chung đặc biệt là lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Đối với sinh viên kinh tế cần phải trang bị những kiến thức về cơ sở lý luận và thực tiễn của môn học kinh tế quốc tế giữa các quốc gia đang diễn ra như thế nào? Ảnh hưởng của nó đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh ra sao? Từ đó có những giải pháp tích hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác của mình.

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ môn học:

Đối tượng nghiên cứu của kinh tế quốc tế chính là nền kinh tế thế giới.

Kinh tế quốc tế nghiên cứu mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia trong trạng thái động, tức là nghiên cứu sự vận động

của hàng hóa dịch vụ, các yếu tố sản xuất, sự chuyển đổi tiền tệ và thanh toán quốc tế giữa các nước thông qua con đường mậu dịch, đầu tư, chuyển giao công nghệ, liên kết. Việc nghiên cứu mối quan hệ phụ thuộc trên còn cần phải xem xét tới những ảnh hưởng của các mối quan hệ về chính trị, văn hóa, quân sự, ngoại giao. Bởi vì tất cả các mối quan hệ đó nằm trong một chỉnh thể thống nhất có mối liên hệ phụ thuộc tác động lẫn nhau.

Nghiên cứu kinh tế quốc tế nhằm giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Cung cấp những kiến thức khái quát về một nền kinh tế hiện đại.
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế và những chính sách ảnh hưởng đến nó.
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về sự di chuyển quốc tế các nguồn lực.
- Cung cấp những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc tế nhằm thấy được sự vận động của thị trường tài chính – tiền tệ các nước.

1.3. Nội dung, phương pháp nghiên cứu môn học:

Kinh tế quốc tế nghiên cứu những nội dung cơ bản sau:

- Những vấn đề chung về kinh tế quốc tế
- Thương mại quốc tế và chính sách thương mại quốc tế
- Đầu tư quốc tế
- Cán cân thị trường và thị trường tiền tệ quốc tế
- Liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế

Kinh tế quốc tế sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp thống kê, phương pháp mô hình hóa...

1.4. Mối liên hệ giữa môn học với các môn học khác:

Kinh tế quốc tế là một bộ phận của kinh tế học nên có mối quan hệ khá chặt chẽ với các bộ môn thuộc khoa học này như Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển... để phân tích các mối quan hệ kinh tế giữa các nước về việc trao đổi mậu dịch, chuyển giao công nghệ, đầu tư, trao đổi tiền tệ, cán cân thanh toán quốc tế...

2. Những đặc điểm của nền kinh tế thế giới:

2.1. Khái niệm về kinh tế thế giới:

Kinh tế thế giới là tổng thể nền kinh tế của tất cả các quốc gia trên trái đất có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau thông qua sự phân công lao động quốc tế cùng với các quan hệ kinh tế quốc tế của chúng.

Hiện nay, nền kinh tế thế giới là một thực thể kinh tế đặc thù, duy nhất, có cơ cấu nhiều tầng nấc, nhiều cấp độ quan hệ với những phạm vi hoạt động khác nhau.

Theo cách tiếp cận hệ thống, nền kinh tế thế giới bao gồm hai bộ phận cơ bản sau đây:

- **Các chủ thể kinh tế quốc tế:** là những tổ chức, cá nhân đại diện trong nền kinh tế thế giới và là nơi phát sinh ra các quan hệ kinh tế quốc tế. Sự tách biệt về sở hữu và địa vị pháp lý trong các quan hệ kinh tế quốc tế là cơ sở hình thành các chủ thể kinh tế độc lập với các cấp độ như sau:

+ Các nền kinh tế quốc gia độc lập trên thế giới (kể cả các vùng lãnh thổ) Với khoảng trên 170 quốc gia và trên 30 vùng lãnh thổ tham gia vào nền kinh tế thế giới. Các chủ thể này là các chủ thể đầy đủ xét về các mặt chính trị, kinh tế, pháp luật và quan hệ giữa các chủ thể này được đảm bảo bằng các hiệp định quốc tế ký kết theo những điều khoản của công pháp quốc tế.

+ Các chủ thể kinh tế ở cấp độ quốc gia: Là những công ty, tập đoàn, đơn vị kinh doanh... tham gia vào nền kinh tế thế giới thường là ở mức độ thấp và phạm vi hẹp cả về khối lượng buôn bán và đầu tư cũng như số lượng các chi nhánh hoạt động ở nước ngoài. Đây là những chủ thể không đầy đủ về mặt chính trị và pháp luật, các chủ thể này tham gia vào các hoạt động kinh tế quốc tế bằng các hợp đồng thương mại hoặc đầu tư được thoả thuận giữa các bên trong khuôn khổ các hiệp định đã ký kết giữa các chủ thể Nhà nước.

+ Các chủ thể kinh tế ở cấp độ quốc tế: Là những thiết chế quốc tế, các tổ chức quốc tế hoạt động với tư cách là những thực thể độc lập, có địa vị pháp lý rộng hơn địa vị pháp lý của chủ thể quốc gia, VD: IMF; UN; ...

+ Ngoài ra còn có 1 loại chủ thể đặc biệt là công ty đa quốc gia, các công ty xuyên quốc gia và công ty siêu quốc gia.

- **Các khách thể của nền kinh tế thế giới:** Đây là chính là các quan hệ kinh tế quốc tế, bộ phận cốt lõi của nền kinh tế thế giới, chúng là kết quả tất yếu của sự tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế quốc tế ở trên. Căn cứ vào đối tượng vận động, các quan hệ kinh tế quốc tế chia thành:

+ Các quan hệ về di chuyển quốc tế hàng hoá và dịch vụ. Đó chính là việc mua bán hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia và được gọi là hoạt động thương mại quốc tế.

+ Các quan hệ về di chuyển quốc tế vốn tư bản. Đây là việc đưa vốn đầu tư từ nước này sang nước khác và được gọi là hoạt động đầu tư quốc tế.

+ Các quan hệ về di chuyển quốc tế sức lao động. Đó chính là hoạt động xuất nhập khẩu sức lao động.

+ Các quan hệ về di chuyển quốc tế các phương tiện tiền tệ. Đó là việc di chuyển các loại tiền mặt, kim khí quý, các giấy tờ có giá trị, ... nhằm phục vụ cho hoạt động lưu thông tiền tệ, hoạt động tín dụng, hoạt động thanh toán, hoạt động đầu tư, ...

+ Ngoài ra hiện nay quan hệ kinh tế quốc tế còn bao gồm cả các quan hệ hợp tác và trao đổi quốc tế về khoa học công nghệ và những hoạt động kinh tế

quốc tế khác.

Vậy quan hệ kinh tế quốc tế là tổng thể các quan hệ về vật chất và tài chính, các quan hệ diễn ra trong lĩnh vực kinh tế và trong lĩnh vực khoa học công nghệ có liên quan đến tất cả các giai đoạn của quá trình tái sản xuất giữa các chủ thể kinh tế quốc tế với nhau.

2.2. Xu thế quốc tế hóa nền kinh tế thế giới:

Quá trình quốc tế hóa diễn ra với quy mô ngày càng lớn, tốc độ ngày càng cao trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế thế giới: trong sản xuất, thương mại, đầu tư... cả văn hóa và lối sống. Thông qua các hoạt động trên các nước xích lại gần nhau hơn, gắn bó hơn, làm cho nền kinh tế thế giới trở thành một chỉnh thể thống nhất. Sự biến động ở bất cứ nước nào cũng có thể kéo theo biến động ở quốc gia khác.

Đặc điểm này đặt ra một yêu cầu tất yếu là mỗi quốc gia phải mở cửa thị trường ra thị trường thế giới và chủ động tham gia vào phân công lao động quốc tế, tham gia vào các tổ chức quốc tế và khu vực để có một khuôn khổ phù hợp cho sự phát triển.

2.3. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới có xu hướng tăng chậm và không đồng đều nhau giữa các nước và các khu vực.

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới diễn ra không đồng đều giữa các quốc gia, giữa các nhóm nước và giữa các thời kỳ. Sau những năm trì trệ đầu thập kỷ 90, kinh tế thế giới tăng trưởng khá cao trong hai năm 1995-1996 (3,8%) song lại bị suy giảm nhẹ năm 1997 (3,5%) và tiếp tục tăng trưởng không đều ở những năm tiếp theo. Nền kinh tế các nước công nghiệp phát triển trong nhóm G7 được phục hồi, riêng kinh tế Nhật bản đang đứng trước những vấn đề nan giải, và đòi hỏi phải có những cải cách đáng kể nếu như nó muốn trở lại tăng trưởng với tốc độ cao. Kinh tế các nước đang phát triển, đặc biệt các nước mới công nghiệp hóa (NICs) vẫn đạt mức tăng trưởng khá cao đặc biệt là Trung Quốc đạt tốc độ rất cao (9%). Các nước ASEAN do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính tiền tệ nên tốc độ tăng trưởng chậm lại, gần đây đã bước sang giai đoạn phục hồi.

Như vậy tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước và nhóm nước diễn ra rất không đều, làm mở rộng hơn nữa hố sâu ngăn cách về sự giàu có và trình độ phát triển giữa các quốc gia.

2.4. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nổi lên đang làm cho trung tâm của nền kinh tế thế giới chuyển dần về khu vực này.

Sự phát triển của vòng cung châu Á - Thái Bình Dương với các quốc gia có nền kinh tế hết sức năng động, đạt nhịp độ phát triển cao liên tục qua nhiều năm, đang làm cho trung tâm của nền kinh tế thế giới dịch chuyển dần về khu

vực này.

Vòng cung châu Á - Thái Bình Dương có khoảng 2 tỷ dân chiếm gần 40% GDP thế giới với những tài nguyên thiên nhiên phong phú đang chứng tỏ một sự phát triển hết sức mau lẹ. Người ta dự báo rằng, thế kỷ XXI là thế kỷ châu Á – Thái Bình Dương đòi hỏi mỗi quốc gia phải tính đến chiến lược phát triển của mình.

2.5. Một số vấn đề kinh tế toàn cầu ngày càng trở nên gay gắt:

Trước hết là tình hình thương mại quốc tế ngày càng phát triển, mở rộng, xu hướng bảo hộ mậu dịch và tự do thương mại trong buôn bán giữa các nước lại có những điểm mới và mâu thuẫn lại tăng lên.

Nợ quốc tế cũng nổi lên, những nước chậm phát triển kinh tế gặp khó khăn không có khả năng trả nợ.

Vấn đề môi trường là một vấn đề nóng bỏng, kinh tế phát triển kéo theo ô nhiễm môi trường, thảm họa thiên nhiên tăng lên làm ảnh hưởng đến đời sống con người ở nhiều nước.

Vấn đề lương thực hiện nay cũng trở nên căng thẳng, thiên tai tác động xấu đến sản xuất, đòi hỏi các nước phải có sự phối hợp chặt chẽ mới có thể khắc phục.

Các vấn đề đói nghèo, dịch bệnh, ma túy... cũng ngày càng trở nên gay gắt, đặc biệt là ở các nước chậm phát triển.

3. Cơ sở của việc hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế:

3.1. Khái niệm, nội dung của các quan hệ kinh tế quốc tế:

3.1.1. Khái niệm: Nền kinh tế thế giới là tổng thể các nền kinh tế của các quốc gia trên trái đất có mối liên hệ hữu cơ và tác động qua lại lẫn nhau thông qua sự phân công lao động quốc tế cùng với các quan hệ kinh tế của chúng.

Nền kinh tế thế giới, theo cách tiếp cận hệ thống bao gồm hai bộ phận cơ bản sau đây:

➤ **Các chủ thể kinh tế quốc tế.** Các chủ thể kinh tế quốc tế bao gồm các thực thể kinh tế với các cấp độ khác nhau:

- + Các nền kinh tế quốc gia độc lập trên thế giới (kể cả các vùng lãnh thổ)
Với khoảng trên 170 quốc gia và trên 30 vùng lãnh thổ tham gia vào nền kinh tế thế giới. Các chủ thể này là các chủ thể đầy đủ xét về các mặt chính trị, kinh tế, pháp luật và quan hệ giữa các chủ thể này được đảm bảo bằng các hiệp định quốc tế ký kết theo những điều khoản của công pháp quốc tế.
- + Các chủ thể kinh tế ở cấp độ quốc gia: Là những công ty, tập đoàn, đơn vị kinh doanh, ... tham gia vào nền kinh tế thế giới thường là ở mức độ

thấp và phạm vi hẹp cả về khối lượng buôn bán và đầu tư cũng như số lượng các chi nhánh hoạt động ở nước ngoài. Đây là những chủ thể không đầy đủ về mặt chính trị và pháp luật, các chủ thể này tham gia vào các hoạt động kinh tế quốc tế bằng các hợp đồng thương mại hoặc đầu tư được thoả thuận giữa các bên trong khuôn khổ các hiệp định đã ký kết giữa các chủ thể Nhà nước.

- + Các chủ thể kinh tế ở cấp độ quốc tế: Là những thiết chế quốc tế, các tổ chức quốc tế hoạt động với tư cách là những thực thể độc lập, có địa vị pháp lý rộng hơn địa vị pháp lý của chủ thể quốc gia, VD: IMF; UN; ...
- + Ngoài ra còn có 1 loại chủ thể đặc biệt là công ty đa quốc gia, các công ty xuyên quốc gia và công ty siêu quốc gia.

*** Các quan hệ kinh tế quốc tế:** Đây là bộ phận cốt lõi của nền kinh tế thế giới, chúng là kết quả tất yếu của sự tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế quốc tế ở trên. Căn cứ vào đối tượng vận động, các quan hệ kinh tế quốc tế chia thành:

- + Các quan hệ về di chuyển quốc tế hàng hoá và dịch vụ. Đó chính là việc mua bán hàng hoá, dịch vụ giữa các quốc gia và được gọi là hoạt động thương mại quốc tế.
- + Các quan hệ về di chuyển quốc tế vốn tư bản. Đây là việc đưa VDT từ nước này sang nước khác và được gọi là hoạt động đầu tư quốc tế.
- + Các quan hệ về di chuyển quốc tế sức lao động. Đó chính là hoạt động xuất nhập khẩu sức lao động.
- + Các quan hệ về di chuyển quốc tế các phương tiện tiền tệ. Đó là việc di chuyển các loại tiền mặt, kim khí quý, các giấy tờ có giá trị, ... nhằm phục vụ cho hoạt động lưu thông tiền tệ, hoạt động tín dụng, hoạt động thanh toán, hoạt động đầu tư, ...
- + Ngoài ra hiện nay quan hệ kinh tế quốc tế còn bao gồm cả các quan hệ hợp tác và trao đổi quốc tế về khoa học công nghệ và những hoạt động kinh tế quốc tế khác.

Vậy quan hệ kinh tế quốc tế là tổng thể các quan hệ về vật chất và tài chính, các quan hệ diễn ra trong lĩnh vực kinh tế và trong lĩnh vực khoa học công nghệ có liên quan đến tất cả các giai đoạn của quá trình tái sản xuất giữa các chủ thể kinh tế quốc tế với nhau...

3.1.2. Nội dung:

Nội dung của quan hệ kinh tế quốc tế rất rộng và đa dạng nhưng trước hết phải kể đến những nội dung chủ yếu sau:

a. Thương mại quốc tế

- * Thương mại quốc tế là việc trao đổi hàng hoá và dịch vụ giữa các chủ thể

kinh tế có quốc tịch khác nhau thông qua hoạt động mua bán, lấy tiền tệ làm môi giới.

* Nội dung thương mại quốc tế bao gồm:

✍ Xuất và nhập khẩu hàng hoá hữu hình (NVL, MMTB, lương thực thực phẩm, các loại hàng tiêu dùng...) đây là bộ phận chủ yếu và giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của các quốc gia.

✍ Xuất và nhập khẩu hàng hoá vô hình (các bí quyết công nghệ, bằng phát minh sáng chế, phần mềm máy vi tính, các bằng thiết kế kỹ thuật, các dịch vụ lắp ráp thiết bị máy móc...) Đây là bộ phận có tỷ trọng ngày càng gia tăng phù hợp với sự bùng nổ của cách mạng khoa học – công nghệ và việc phát triển các ngành dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân.

✦ Gia công quốc tế: Gồm gia công thuê cho nước ngoài và thuê nước ngoài gia công. là hình thức cần thiết trong điều kiện phát triển và phân công lao động quốc tế do sự khác biệt về điều kiện tái sản xuất giữa các quốc gia.

✦ Tái xuất khẩu và chuyển khẩu: trong hoạt động tái xuất khẩu người ta tiến hành nhập khẩu tạm thời hàng hoá từ bên ngoài vào sau đó tiến hành xuất khẩu sang một nước thứ ba.

✦ Xuất khẩu tại chỗ: Trong trường hợp này hàng hoá và dịch vụ không vượt ra ngoài biên giới quốc gia nhưng có ý nghĩa kinh tế tương tự như hoạt động xuất khẩu: Cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho các ngoại giao đoàn, cho khách du lịch quốc tế...

b. Đầu tư quốc tế

Đầu tư quốc tế là một quá trình kinh doanh trong đó VĐT được di chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác với mục đích sinh lời. VĐT quốc tế có hai dòng chính:

* **Đầu tư của tư nhân:** Được thực hiện dưới 3 hình thức:

✍ Đầu tư trực tiếp (FDI): Chủ đầu tư nước ngoài đầu tư toàn bộ hay phần lớn vốn vào các dự án nhằm dành quyền điều hành hoặc tham gia điều hành các doanh nghiệp sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ, thương mại...

✍ Đầu tư gián tiếp (FII): Chủ đầu tư nước ngoài mua cổ phần của công ty ở nước sở tại (ở mức nhất định) để thu lợi nhuận mà không tham gia điều hành trực tiếp đối tượng mà họ bỏ VĐT.

✦ Tín dụng thương mại: Cho vay vốn và thu lợi nhuận qua lãi suất tiền vay.

* **Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)** là tất cả các khoản viện trợ không hoàn lại của chính phủ, các hệ thống của tổ chức liên hợp quốc, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tài chính quốc tế (Ngân hàng thế giới WB, ngân hàng phát triển châu Á - ADB, quỹ tiền tệ quốc tế - IMF; ...)

c. **Hợp tác quốc tế về kinh tế và khoa học - công nghệ**: Bao gồm việc

chuyên môn hoá và hợp tác hoá ở tầm quốc tế giữa các tổ chức kinh tế thuộc các quốc gia khác nhau trong việc sản xuất một loại sản phẩm nào đó, hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, sáng chế, thiết kế, thử nghiệm, trong đào tạo cán bộ... bao gồm:

* **Chuyên môn hoá và hợp tác hoá trong sản xuất:** Chuyên môn hoá có thể diễn ra theo các ngành, trong nội bộ từng ngành, theo chi tiết SP và theo quy trình công nghệ.

* **Hợp tác hoá và trao đổi quốc tế về khoa học - công nghệ:**

- Hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học - công nghệ: Là một loại hình hoạt động bao gồm các hình thức phối hợp giữa các nước để cùng tiến hành nghiên cứu, sáng chế, thiết kế, thử nghiệm, trao đổi các kết quả nghiên cứu, thông tin về khoa học - công nghệ, áp dụng những thành tựu khoa học - công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất.

- Chuyển giao công nghệ: Là một hoạt động mua bán đơn thuần vì hàng hoá công nghệ có những đặc điểm riêng. Quá trình chuyển giao công nghệ phải giải quyết các khía cạnh kinh tế, kỹ thuật và pháp lý thì mới bảo đảm cho việc chuyển giao đạt kết quả như mong muốn.

a. **Các dịch vụ thu ngoại tệ:** bao gồm các hoạt động kinh tế dưới dạng các dịch vụ quốc tế như du lịch quốc tế, GTVT quốc tế, thông tin liên lạc quốc tế, bảo hiểm quốc tế, thanh toán tín dụng quốc tế, xuất nhập khẩu sức lao động... Các yếu tố quốc tế ở đây được thể hiện phạm vi hoạt động của các chủ thể sản xuất và đối tượng tiêu dùng ở các quốc tịch khác nhau. Để thuận tiện người ta quy ước tính quốc tế của các dịch vụ này đồng nhất với hình thức là việc thu được ngoại tệ, các dịch vụ ngoài tệ có quy mô càng lớn, nội dung càng phong phú và hình thức ngày càng trở nên đa dạng.

3.2. **Cơ sở của việc hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế:**

Quan hệ kinh tế quốc tế được hình thành từ chế độ chiếm hữu nô lệ, tức là từ khi có nhà nước ra đời. Quá trình phát triển của các mối quan hệ kinh tế quốc tế theo xu hướng ngày càng mở rộng, đa dạng phức tạp trên cơ sở của phân công lao động xã hội.

Chăn nuôi tách khỏi trồng trọt tạo mầm mống cho sự trao đổi; nghề thủ công tách khỏi nghề nông dẫn đến sự ra đời của ngành công nghiệp làm cho quá trình chuyên môn hóa ngày càng cao; thương nhân tách khỏi nghề sản xuất dẫn đến trao đổi ngày càng mở rộng tạo điều kiện cho thương mại quốc tế ra đời và phát triển.

Qua các chế độ xã hội khác nhau, mối quan hệ kinh tế quốc tế được phát triển và thể hiện khác nhau nhưng đến thời kỳ tư bản chủ nghĩa thì quan hệ hàng hóa phát triển mạnh, mối quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng mở rộng,

phức tạp.

Các mối quan hệ kinh tế quốc tế ra đời là một tất yếu khách quan. Ban đầu là do sự khác biệt về điều kiện tự nhiên: đất đai, khí hậu... làm cho mỗi quốc gia có lợi thế khác nhau trong việc sản xuất một sản phẩm nào đó.

Lực lượng sản xuất phát triển tạo ra sự phát triển không đều về kinh tế, khoa học, công nghệ dẫn đến sự khác nhau về điều kiện tái sản xuất: vốn, kỹ thuật, bí quyết công nghệ, nguồn nhân lực, trình độ quản lý...

Quá trình phát triển kinh tế tất yếu làm cho phân công lao động quốc tế mở rộng, đời sống xã hội càng phong phú thì người tiêu dùng càng tìm đến các mặt hàng phù hợp với thị hiếu đa dạng và khả năng thanh toán của họ.

3.3. Tính chất của các quan hệ kinh tế quốc tế:

Các quan hệ kinh tế quốc tế có các tính chất sau:

✎ Quan hệ kinh tế quốc tế là các mối quan hệ thoả thuận, tự nguyện giữa các quốc gia độc lập, giữa các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân. Nó chỉ phát triển trên cơ sở giữ vững chủ quyền, thực hiện nguyên tắc bình đẳng và các bên cùng có lợi thông qua các hợp đồng kinh tế với sự chấp nhận của các bên. Có thể phát triển quan hệ kinh tế quốc tế giữa các quốc gia có chế độ chính trị – xã hội khác nhau biết đáp ứng và khai thác các nhu cầu và lợi ích chính đáng của nhau, đảm bảo sự cân bằng lợi ích và giữ vững chủ quyền các bên. Tuy nhiên các quan hệ kinh tế quốc tế luôn chịu tác động và chi phối của các quan hệ chính trị quốc tế.

✎ Diễn ra theo các yêu cầu của các quy luật kinh tế nên cần tôn trọng và vận dụng thành thạo các quy luật này để phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế.

✎ Chịu sự tác động của các hệ thống quản lý, chính sách, luật pháp và thể chế khác nhau của các quốc gia, của các điều ước quốc tế.

✎ Vận hành gắn liền với sự gặp gỡ và chuyển đổi giữa các loại tiền. Quan hệ tiền tệ vừa là phương tiện phục vụ cho các quan hệ vật chất, tài chính và các quan hệ hợp tác về khoa học công nghệ vừa là phương tiện phục vụ cho việc phát triển các quan hệ kinh tế, các quan hệ tiền tệ vừa tuân theo các quy luật kinh tế chung vừa tuân theo những quy luật riêng của thị trường tiền tệ và trở thành 1 nội dung quan trọng của quan hệ kinh tế quốc tế.

✎ Khoảng cách về không gian - địa lý tác động trực tiếp đến quá trình phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế vì nó ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển, đến phong tục tập quán kinh doanh,

Trong quan hệ kinh tế quốc tế, hàng hóa, dịch vụ thường vượt ra ngoài biên giới của một quốc gia, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian và chi phí vận tải... do đó, vấn đề này cần được tính toán thận trọng khi tham gia

vào phân công lao động quốc tế, tiến hành chuyên môn hóa, hợp tác hóa, đầu tư và thâm nhập thị trường.

4. Những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về phát triển kinh tế đối ngoại:

Kinh tế đối ngoại có vai trò rất quan trọng, là một yếu tố cần thiết để đảm bảo sự phát triển ổn định của nền kinh tế quốc dân. Tất cả các quốc gia đều phát triển kinh tế đối ngoại, nhưng do đặc thù kinh tế, xã hội nên mỗi nước có những quan điểm phát triển riêng. Nước ta xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên phải dựa vào cả lý luận và thực tiễn của Việt nam.

Để có thể phát triển kinh tế đối ngoại cần phải có một đường lối riêng dựa trên những quan điểm cơ bản

sau:

4.1. Phát triển kinh tế đối ngoại là một tất yếu khách quan

Trong nền kinh tế thế giới hiện nay, mỗi chủ thể kinh tế là một đơn vị độc lập, nhưng phụ thuộc nhau về nhiều mặt. Nước nghèo phụ thuộc nước giàu về công nghệ, vốn, ngược lại nước giàu lại phụ thuộc nước nghèo về nguồn tài nguyên thiên nhiên, về lao động, thị trường...

Ngày nay dưới tác động của khoa học - công nghệ, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia còn do sự phát triển của lực lượng sản xuất. Cụ thể: những nước sử dụng được các thành tựu khoa học công nghệ thì sản xuất phát triển nhanh, khối lượng sản phẩm ngày càng nhiều dẫn đến cần phát triển thị trường ra bên ngoài để tiêu thụ.

Đối với Việt Nam, là một nước nghèo đang phát triển, nguồn lực bên trong phong phú nhưng thiếu điều kiện để khai thác thì việc mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài để tận dụng nguồn vốn, công nghệ... là hết sức cần thiết.

Xuất phát từ nhận thức này, ngay sau khi đất nước thống nhất, Đảng ta đã xác định: “Không ngừng mở rộng sự phân công và hợp tác quốc tế, khoa học, kỹ thuật, đẩy mạnh các hoạt động ngoại thương, đó là những đòi hỏi khách quan của thời đại. Đặc biệt với nước ta, từ sản xuất nhỏ đến sản xuất xã hội chủ nghĩa, việc tăng cường quan hệ phân công hợp tác, tương trợ về kinh tế, kỹ thuật với các nước XHCN anh em và phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác có tầm quan trọng rất lớn”.

4.2. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế với chính trị:

Kinh tế và chính trị là hai mặt có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau.

Thông thường thị chính trị, ngoại giao mở đường thúc đẩy kinh tế đối ngoại phát triển. Chính trị có thể là tiền đề để mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, đồng thời kinh tế đối ngoại phát triển lại có tác động tăng cường, củng cố quan hệ chính trị.

Việc xử lý mối quan hệ giữa kinh tế với chính trị là vấn đề có ý nghĩa quyết định của kinh tế đối ngoại, là vấn đề cốt lõi trong chính sách kinh tế đối ngoại với các nước.

Phương hướng xử lý mối quan hệ này, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta đã chỉ ra: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX còn nhất mạnh: Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đảm bảo độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường.

Trong quá trình giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị cần phải quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược là: Xây dựng và Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4.3. Xây dựng hệ thống kinh tế mở, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế:

Như trên đã nêu, kinh tế đối ngoại có vai trò là chiếc cầu nối giữa nền kinh tế trong nước với thế giới. Vì vậy để phát triển kinh tế đối ngoại, một yêu cầu tất yếu là phải có một hệ thống kinh tế mở, là kinh tế có yếu tố nước ngoài.

Cho đến thời điểm hiện nay, nước ta vẫn chưa ra khỏi tình trạng kém phát triển, chính vì thế để theo kịp nền kinh tế thị trường việc xây dựng hệ thống kinh tế mở là yêu cầu ngày càng trở nên cấp bách.

Nắm bắt được thực tế đó, Đảng ta đã xác định: khắc phục tính chất tự cung tự cấp, khép kín chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa gắn thị trường trong nước với ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu. Trong đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta nêu rõ: tiếp tục chính sách mở cửa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển.

Tuy nhiên, việc mở cửa cũng có mặt tiêu cực, tích cực của nó. Để mở cửa thành công đòi hỏi chúng ta phải dự kiến, đánh giá đầy đủ sâu sắc các mặt tích cực và tiêu cực của chính sách mở cửa.

4.4. Phát huy ý chí tự lực, tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:

Phải phát huy sức mạnh nội lực, tránh phụ thuộc vào ngoại lực sẽ dẫn đến phụ thuộc tiêu vong.

Tuy nhiên trong thời đại của khoa học công nghệ, nếu chỉ dựa vào sức mình thì quá trình phát triển sẽ hết sức chậm chạp, khó khăn, tụt hậu... Chính vì thế, một yêu cầu đặt ra là phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

4.5. Đa phương hóa các hoạt động kinh tế đối ngoại phù hợp với cơ chế thị trường, trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi.

Kinh tế đối ngoại vận động trong một khung cảnh rộng lớn là nền kinh tế thế giới, thị trường quốc tế. Đối tượng hợp tác trong mối quan hệ đối ngoại rất đa dạng:

- Ở bình diện quốc gia: Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc gia (Chính phủ và phi chính phủ), các tổ chức quốc tế, các tổ chức liên quốc gia.
- Đối với các tổ chức tham gia kinh tế đối ngoại: các bạn hàng, các đối tượng hợp tác trong kinh doanh, bao gồm tổ chức kinh doanh và tư nhân nước ngoài, kể cả các công ty xuyên quốc gia.

4.6. Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế đối ngoại phù hợp với điều kiện của nền kinh tế và quốc tế:

Đa dạng hóa hoạt động kinh tế đối ngoại là một tiền đề của sự phát triển và mở rộng kinh tế đối ngoại. Đa dạng hóa hoạt động kinh tế đối ngoại gắn bó chặt chẽ với đa phương quan hệ kinh tế đối ngoại và phù hợp với điều kiện của nền kinh tế trong từng giai đoạn phát triển, tùy thuộc vào những lợi thế của đất nước trong sự trao đổi và sự phân công lao động quốc tế, vào chính sách đối ngoại và không tách rời những diễn biến trong các mối quan hệ kinh tế quốc tế.

4.7. Nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại:

Kinh tế đối ngoại có tác động lớn đến nền kinh tế quốc dân. Những tác động đó sẽ có tác dụng tích cực hơn khi kinh tế đối ngoại hoạt động có hiệu quả.

Kinh tế đối ngoại có vai trò rất lớn. Song không thể quá chú trọng đến kinh tế đối ngoại mà xem nhẹ kinh tế trong nước, kinh tế trong nước mới là yếu tố quyết định.

4.8. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại:

Cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại cần được đổi mới theo hướng sau:

- Mở rộng quyền tiếp xúc với thế giới bên ngoài cho các cơ quan, tổ chức;

mở rộng quyền hoạt động kinh doanh, đối ngoại cho các tổ chức kinh tế theo quan điểm của Đảng từ đại hội VI, VII, VIII, và IX.

- Phân biệt chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý kinh doanh trong hoạt động kinh tế đối ngoại.
- Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.
- Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh.

5. Khả năng và điều kiện cần thiết để phát triển lĩnh vực kinh tế đối ngoại:

5.1. Vị trí của nền kinh tế Việt Nam trong nền kinh tế thế giới:

Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, có diện tích 331.212 km², dân số đạt 86,16 triệu (2008).

Nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua có sự biến đổi nhanh chóng, đạt được nhiều thành tựu quan trọng:

- Lĩnh vực kinh tế đối ngoại có sự phát triển mạnh mẽ trên tất cả các hoạt động: ngoại thương, đầu tư quốc tế, hợp tác kinh tế, khoa học – công nghệ, các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ. Đồng thời, Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới - WTO, tích cực tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế và liên kết kinh tế khu vực. Ngoài ra Việt Nam còn có những mặt hạn chế sau:
- Đất đai: Diện tích đất đai bình quân đầu người của Việt Nam thuộc vào loại thấp nhất thế giới (năm 2004: 0,2ha/người). Diện tích đất canh tác thì hạn chế, độ phì nhiêu không cao. Vì vậy, để phát triển chăn nuôi xuất khẩu phải tăng vòng quay sử dụng đất, tăng vụ thâm canh, tăng năng suất cây trồng.
- Khí hậu: Phải đối đầu với lũ lụt, hạn hán, sâu bệnh...
- Tài nguyên thiên nhiên: tuy phong phú nhưng trữ lượng không nhiều (trừ dầu lửa và than đá), tài nguyên rừng bị khai thác cạn kiệt và thu hẹp.
- Kết cấu hạ tầng vật chất kỹ thuật đã được mở rộng, phát triển và nâng cấp song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của nền kinh tế (hệ thống đường bộ, đường sắt, sân bay, hải cảng...)
- Cơ sở hạ tầng pháp lý điều tiết hoạt động kinh tế vẫn chưa ổn định, đầy đủ, đồng bộ.
- Trình độ nguồn nhân lực nhìn chung chưa cao.

Tóm lại, bước vào thế kỷ 21, để phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công. Việt Nam cần phải tiếp tục quá trình đổi mới mạnh mẽ hơn nữa ở tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế mà trong đó có hoạt động kinh tế đối ngoại.